BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI MỎ

(Theo hệ tọa độ và cao độ VN2000, kinh tuyến trục 107^{0}15', múi chiếu 3^0)

TÊN ĐIỂM GÓC	TỌA ĐỘ		DIỆN TÍCH (HA)
	X (M)	Y (M)	
1	2385 756	408 575	22.56
2	2385 955	408 606	
3	2385 954	408 721	
4	2385 949	408 775	
5	2385 947	409 128	
6	2385 911	409 192	
7	2385 685	409 128	
8	2385 573	409 043	
9	2385 428	408 764	

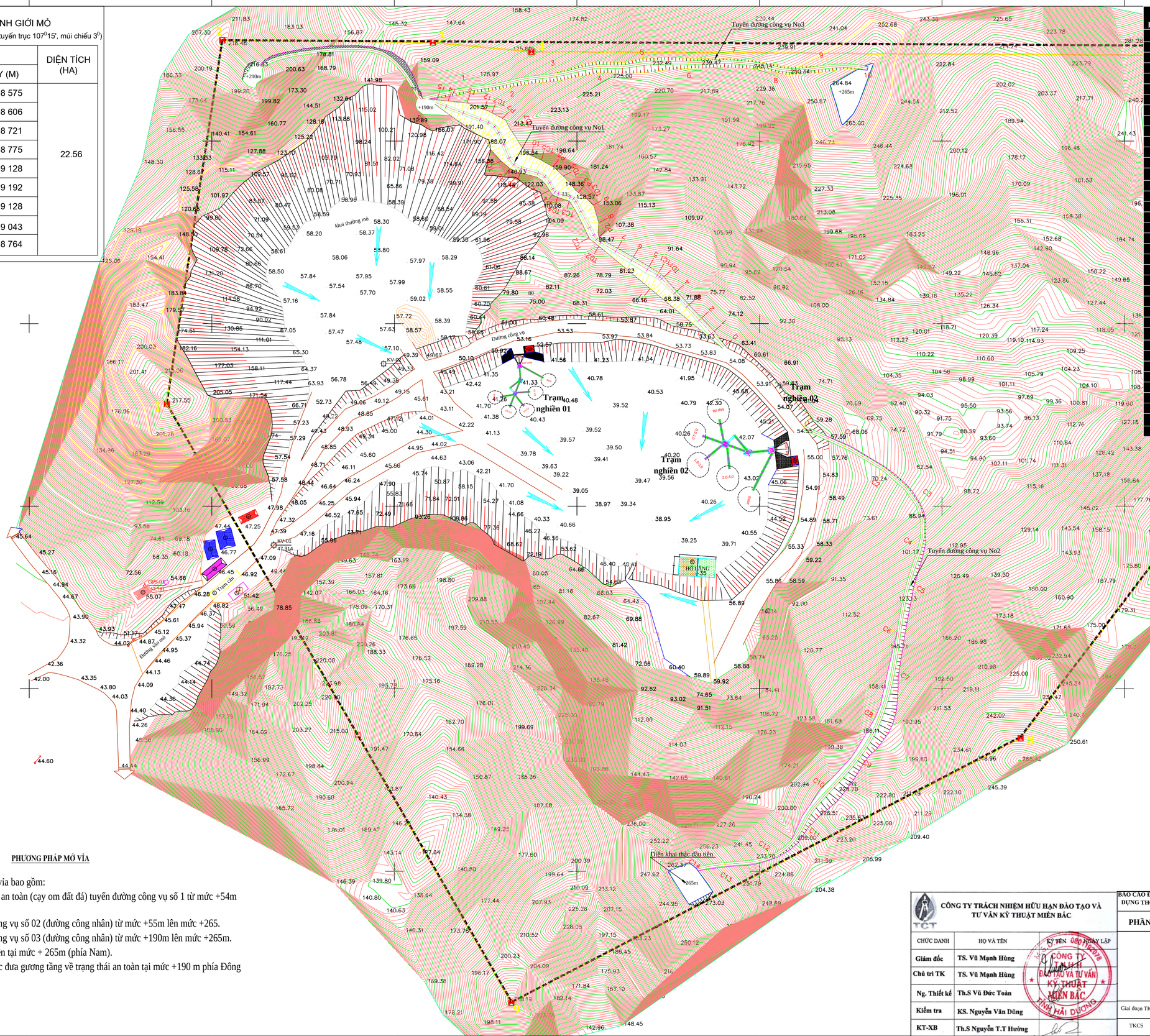

Tọa độ cọc tuyến đường Công vụ No1

Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^{0}15' , múi chiếu 3^0

TT	Tên cọc	X (m)	Y (m)
1	0	2,385,787.13	408,880.49
2	1	2,385,794.54	408,873.78
3	2	2,385,801.95	408,867.06
4	3	2,385,809.36	408,860.35
5	4	2,385,816.77	408,853.64
6	TD1	2,385,824.61	408,846.54
7	P1	2,385,825.68	408,845.39
8	TC1	2,385,826.57	408,844.10
9	5	2,385,829.70	408,838.65
10	6	2,385,834.67	408,829.97
11	7	2,385,839.65	408,821.30
12	TD2	2,385,844.40	408,813.02
13	P2	2,385,846.15	408,810.78
14	TC2	2,385,848.45	408,809.13
15	8	2,385,852.67	408,806.92
16	9	2,385,861.54	408,802.30
17	TD3	2,385,866.89	408,799.51
18	P3	2,385,868.48	408,798.20
19	TC3	2,385,869.41	408,796.37
20	TD4	2,385,871.15	408,789.90
21	P4	2,385,872.11	408,788.02
22	TC4	2,385,873.77	408,786.71
23	TD5	2,385,877.19	408,785.03
24	P5	2,385,880.50	408,782.42
25	TC5	2,385,882.44	408,778.68
26	10	2,385,884.16	408,772.35
27	TD6	2,385,884.94	408,769.48
28	P6	2,385,887.09	408,765.50
29	TC6	2,385,890.78	408,762.87
30	11	2,385,898.07	408,759.86
31	TD7	2,385,904.57	408,757.18
32	P7	2,385,907.93	408,754.90
33	TC7	2,385,910.11	408,751.48
34	12	2,385,911.81	408,746.99
35	13	2,385,915.36	408,737.64
36	14	2,385,918.90	408,728.29
37	15	2,385,921.05	408,722.63

GHI CHÚ

1 - Nhà điều hành + văn phòng
2 - Nhà ăn + Nhà vệ sinh
3 - Kho + Xưởng sửa chữa
4 - Khu vực chứa CTNH
5 - Trạm biến áp
6 - Trạm cân
7 - Kho mìn
8 - Nhà vận hành trạm nghiền
9 - Hố lắng

PHƯƠNG PHÁP MỞ VỈA

Nội dung của công tác mở via bao gồm:

+ Phát quang cây cối, xử lý an toàn (cạy om đất đá) tuyến đường công vụ số 1 từ mức +54m lên mức +190m.

+ Thi công tuyến đường công vụ số 02 (đường công nhân) từ mức +55m lên mức +265.

+ Thi công tuyến đường công vụ số 03 (đường công nhân) từ mức +190m lên mức +265m.

+ Tạo diện khai thác đầu tiên tại mức + 265m (phía Nam).

+ Cải tạo khu vực đang khai thác đưa gương tầng về trạng thái an toàn tại mức +190 m phía Đông Bắc khu mỏ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT MIỀN BẮC			
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	KÝ TÊN	NGÀY LẬP
Giám đốc	TS. Vũ Mạnh Hùng		
Chủ trì TK	TS. Vũ Mạnh Hùng		
Ng. Thiết kế	Th.S Vũ Đức Toàn		
Kiểm tra	KS. Nguyễn Văn Dũng		
KT-XB	Th.S Nguyễn T.T Hường		

BÁO CÁO ĐTM CỦA "DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG MỎ GÓC SAU, XÃ YÊN VƯỢNG, HUYỆN HỮU LŨNG

PHẦN THOÁT NƯỚC MỎ, CẤP NƯỚC VÀ THẢI NƯỚC

BẢN ĐỒ THOÁT NƯỚC MỎ

Giai đoạn TK	Tỷ lệ	Phòng TK	2025/TCT-TK-..10...
TKCS	Tỷ lệ: 1/1.000		